TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trường Hận

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 509/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh ngày 01/01/1983

Địa chỉ: Số D, Khóm F, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số D, Khóm F, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

(Bà D và ông S có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Năm 1999, bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm đời sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện nay đã không còn chung sống. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà D xin ly hôn ông S. Bà D và ông S chung sống có 03 con chung tên Trần Hồng N, sinh ngày 16/7/1999, Trần Minh T, sinh ngày

28/02/2002 và Trần Thị Hồng Đ, sinh ngày 18/3/2007, cháu N và cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ cho đến khi đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Bà D không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn S trình bày: Ông S có ý kiến thống nhất ý trình bày của bà D về thời gian chung sống, chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông S đồng ý ly hôn với bà D, đồng ý giao cháu Đ cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ông S không yêu cầu giải quyết tài sản chung, về nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 14, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S là vợ chồng. Về con chung, các con chung là Trần Hồng N, sinh ngày 16/7/1999 và Trần Minh T, sinh ngày 28/02/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; giao con chung tên Trần Thị Hồng Đ, sinh ngày 18/3/2007 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, ông S có quyền thăm nom con chung theo Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Trần Văn S, bị đơn ông S đang cư trú tại số D, Khóm F, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Trần Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 1999, bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng, tại thời điểm chung sống với nhau cho đến nay thì bà D và ông S có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, trong thời gian chung sống chung xảy ra mâu thuẫn và hiện không còn chung sống nên bà D xin ly hôn thì ông S cũng đồng ý ly hôn với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D và ông S chung sống mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa bà D và ông S là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà D và ông S thống nhất xác định có 03 con chung tên Trần Hồng N, sinh ngày 16/7/1999 và Trần Minh T, sinh ngày 28/02/2002 và Trần Thị Hồng Đ, sinh ngày 18/3/2007, bà D có cung cấp giấy khai sinh của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung là N và T đã đủ tuổi trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất, tin thần, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Đối với con chung là Đ chưa đủ trưởng thành và có nguyện vọng phù hợp với ý kiến của bà D và ông S về việc giao cháu Đ cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nên cần giao cháu Đ cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông S thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguuyễn Thị D1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S có 03 con chung, các con chung tên Trần Hồng N, sinh ngày 16/7/1999 và Trần Minh T, sinh ngày 28/02/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất, tin thần nên không đặt ra xem xét, giải quyết; giao con chung tên Trần Thị Hồng Đ, sinh ngày 18/3/2007 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Ông Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn S không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 3000.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003389 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà D và ông S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ca Kiều Nguyệt